TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS - ST.
Ngày: 20 - 11 - 2017.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuận.

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST - DS, ngày 18 tháng 4 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXXST - DS, ngày 25 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ: số nhà x, đường N, quận x, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh Phi L; Sinh năm: 1975; Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ: số nhà x, đường Đ, phường x, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền "văn bản ủy quyền số 29/2017/GUQ-CNST ngày 23/3/2017". (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Thanh T; Sinh năm: 1991; Địa chỉ: ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lâm U; Sinh năm: 1965; Địa chỉ: ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

3.2. Bà Thạch Thị S; Sinh năm: 1967; Địa chỉ: ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

4. Người phiên dịch: Ông Thạch Thanh T; Nghề nghiệp: Công chức; Nơi công tác: Hội cựu chiến binh huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 23/3/2017 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Huỳnh Phi L trình bày: Vào ngày 06/12/2014, Ngân hàng có ký kết với bà Lâm Thị Thanh T hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1434000216. Theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho bà T vay số tiền gốc là 65.000.000 đồng với các điều kiện thỏa thuận: Thời hạn vay 60 tháng; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất nông nghiệp; phương thức trả nợ thì nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả và được trả theo phụ lục về lịch trả nợ đính kèm hợp đồng, lãi suất áp dụng cho 03 tháng đầu mức lãi 1.1%/tháng, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có) lãi suất do Ngân hàng TMCP T xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nợ, tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi của Ngân hàng + 0.42%/tháng và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ; thời hạn trả hết nợ là ngày 06/12/2019. Để bảo đảm số nợ mà bà T vay của Ngân hàng thì vợ chồng bà Thạch Thị S và ông Lâm U có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1434000216.1 ngày 06/12/2014 để thế chấp toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 55, có diện tích 482,9m^2, tọa lạc tại ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 791768 ngày 23/12/2011 cho bà Thạch Thị S. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T chỉ thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền gốc là 19.079.000 đồng, tiền lãi chưa thanh toán, lần cuối cùng trả nợ là ngày 30/12/2015, sau đó trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án thì bà T có trả thêm một lần vào ngày 28/6/2017, tính đến ngày 14/11/2017 thì bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 45.921.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo giao kết trong hợp đồng là 14.622.098 đồng, tiền lãi quá hạn theo giao kết trong hợp đồng là 4.689.114 đồng, tổng cộng là 65.232.212 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà Lâm Thị Thanh T thanh lý hợp đồng hoàn trả cho Ngân hàng tổng dư nợ đến ngày 14/11/2017 là 65.232.212 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 15/11/2017 đến khi bà T trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1434000216.1 ngày 06/12/2014 mà bà Thạch Thị S và ông Lâm U đã ký kết với Ngân hàng để bảo đảm nợ vay cho bà T.

- Đối với bị đơn bà Lâm Thị Thanh T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T, nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác, nhưng bà T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Lâm Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S trình bày: Bà S thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và thống nhất với toàn bộ nội dung hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng đã ký kết với Lâm Thị Thanh T, bà S thừa nhận để bảo đảm số nợ mà bà T vay của Ngân hàng là 65.000.000 đồng thì vợ chồng bà S và ông Lâm U có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1434000216.1 ngày 06/12/2014 để thế chấp toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 55, có diện tích 482,9m^2, tọa lạc tại ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 791768 ngày 23/12/2011 cho bà Thạch Thị S.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị S thống nhất tính đến ngày 14/11/2017 bà Lâm Thị Thanh T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng là 65.232.212 đồng, hiện nay do T đi làm thuê chưa có điều kiện trả hết dư nợ cho Ngân hàng đủ một lần theo yêu cầu của Ngân hàng, nên xin Ngân hàng cho trả dần số nợ trên theo hợp đồng. Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà S thống nhất để Ngân hàng phát mãi phần tài sản mà bà Sêm và ông Lâm U đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm U trình bày: Ông U thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và thống nhất với phần trình bày của bà Thạch Thị S nên ông U không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Lâm U thống nhất trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông U thống nhất để Ngân hàng phát mãi phần tài sản mà ông U và bà S đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Thư ký , Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hà nh đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự , đối với bị đơn bà Lâm Thị Thanh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự . Căn cứ vào các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 45.921.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo giao kết trong hợp đồng là 14.622.098 đồng, tiền lãi quá hạn theo giao kết trong hợp đồng là 4.689.114 đồng, tổng cộng là 65.232.212 đồng; trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1434000216.1 ngày 06/12/2014 đối với tài sản là toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 55, có diện tích 482,9m^2, tọa lạc tại ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Lâm Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Thanh T thanh lý hợp đồng hoàn trả cho Ngân hàng tổng dư nợ đến ngày 14/11/2017 với số tiền vay gốc là 45.921.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo giao kết trong hợp đồng là 14.622.098 đồng, tiền lãi quá hạn theo giao kết trong hợp đồng là 4.689.114 đồng, tổng cộng là 65.232.212 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 15/11/2017 đến khi bà T trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng, trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1434000216.1 ngày 06/12/2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà T thanh lý hợp đồng hoàn trả dư nợ gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc bà T có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1434000216 ngày 06/12/2014 và phụ lục tài sản bảo đảm đều có chữ ký của bị đơn bà Lâm Thị Thanh T ở mục bên vay và chữ ký của ông Lâm U, điểm chỉ của bà Thạch Thị S ở mục bên bảo đảm (bút lục 54) và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến giao nhận các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T biết nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì và tại phiên tòa bà S và ông U khẳng định chữ ký của bà T và ông U, điểm chỉ của bà S trong hợp đồng đã ký kết đúng là của họ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015 các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền là 65.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S và ông U đều xác định thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm thỏa thuận, do bà T đi làm thuê không thường xuyên về nhà nên các lần trả nợ cho Ngân hàng do bà S trực tiếp trả, tổng số tiền gốc đã trả là 19.079.000 đồng, tiền lãi chưa trả, lần cuối cùng trả nợ là ngày 30/12/2015 và trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án thì có trả thêm một lần vào ngày 28/6/2017, do vậy việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm các mục số 10, 12, 15 của Hợp đồng tín dụng và vi phạm các điều khoản chung mà các bên đã ký kết, bà T là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà T thanh lý hợp đồng hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 45.921.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1434000216 ngày 06/12/2014 giữa Ngân hàng và bà T đã giao kết mức lãi suất áp dụng cho 03 tháng đầu là 1.1%/tháng, bắt đầu từ tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi của Ngân hàng + 0.42%/tháng và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần nên bà T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết hợp đồng tính đến ngày 14/11/2017 là 19.311.212 đồng (trong đó tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng gồm: tiền lãi trong hạn là 14.622.098 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.689.114 đồng), ngoài ra bà T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 15/11/2017 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Như vậy, bị đơn bà Lâm Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T dư nợ tính đến ngày 14/11/2017 số tiền vay gốc là 45.921.000 đồng và tiền lãi là 19.311.212 đồng, tổng cộng là 65.232.212 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn bà Lâm Thị Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp bất động sản có chữ ký của ông Lâm U và điểm chỉ của bà Thạch Thị S ở mục bên thế chấp đã được chứng thực (bút lục 35, 36, 37), bản sao đơn yêu cầu đăng ký thế chấp có chứng nhận của cơ quan đăng ký (bút lục 34), bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 791768 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 23/12/2011 cho bà Thạch Thị S (bút lục 38, 39),

giấy cam kết thế chấp tài sản gắn liền trên đất (bút lục 41). Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà S, ông U đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2017 về tài sản thế chấp không thay đổi so với thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp ngày 06/12/2014, bà S và ông U khẳng định đã tự nguyện dùng tài của mình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 55, có diện tích 482,9m^2, tọa lạc tại ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 791768 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 23/12/2011 cho bà Thạch Thị S và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bà T theo hợp đồng thế chấp nêu trên và ông U, bà S thống nhất trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông U và bà S đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Lâm Thị Thanh T phải chịu 3.261.610 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S, ông Lâm U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Lâm Thị Thanh T phải chịu 1.150.000 đồng, số tiền này nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đã nộp xong nên bị đơn bà T có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 299; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T. Buộc bị đơn bà Lâm Thị Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ

tính đến ngày 14/11/2017 với số tiền vay gốc là 45.921.000 đồng và tiền lãi là 19.311.212 đồng (Mười chín triệu, ba trăm mười một nghìn, hai trăm mười hai đồng), tổng cộng là 65.232.212 đồng (Sáu mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm mười hai đồng). Ngoài ra, bà T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 15/11/2017 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Trường hợp bị đơn bà Lâm Thị Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1434000216.1 ngày 06/12/2014 đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 55, có diện tích 482,9m^2, tọa lạc tại ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 791768 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 23/12/2011 cho bà Thạch Thị S và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lâm Thị Thanh T phải chịu 3.261.610 đồng (Ba triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 2.747.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006767, ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S và ông Lâm U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Lâm Thị Thanh T phải chịu 1.150.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đã nộp xong nên bị đơn bà T có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Lâm Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Cẩm Nhung